TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ- ST
Ngày 28/4/2022
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thúy H, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ong Thế T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Vũ Thị Thúy H trình bày:*

Bà và ông Ong Thế T chung sống với nhau từ tháng 02/1982 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, trước khi lấy nhau vợ chồng có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, không bị ép buộc.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau nhưng ở riêng không ở cùng bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi lấy nhau đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ khi bà đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng sống xa nhau, ít liên lạc, ít quan tâm đến nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, thường hay cãi nhau qua điện thoại. Đến 2014 bà về nước vẫn về sống chung nhà với ông T nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, vẫn ăn chung, kinh tế vẫn lo chung nhưng không ngủ chung, vợ chồng không còn gần gũi tình cảm. Đến năm 2020, gia đình hai bên nội ngoại và các con bà động viên vợ chồng bà hàn gắn tình cảm để cùng lo cuộc sống chung vì vợ chồng bà tuổi cao nên nượng tựa lẫn nhau nên bà và ông T có đến Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện Yên Dũng để đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2020. Sau khi đi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hai tháng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần ông T chửi bà, bà thấy cuộc sống chung như vậy rất ngột ngạt, không thể hòa hợp được nên bà dọn ra ở riêng nhà khác, mọi quan hệ kinh tế, tình cảm chấm dứt, cuộc sống của ai người ấy tự lo, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó. Khi vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn thì gia đình hai bên không dàn xếp gì nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng bà có 03 con chung là cháu Ong Thị H, sinh năm 1982; cháu Ong Thị B, sinh năm 1986 và cháu Ong Thế V, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, khi ly hôn bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, nay ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp:* Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay gì, ruộng đất nông nghiệp không vướng mắc gì, nay ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Vũ Thị Thúy H không còn yêu cầu nào khác.

** Tại biên bản lấy lời khai, ông Ong Thế T trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Vũ Thị Thúy H chung sống với nhau từ tháng 02/1982 nhưng không đăng ký kết hôn, ông bà có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau.

Sau khi cưới bà H về chung sống cùng ông, ông bà ở riêng không sống cùng bố mẹ chồng, vợ chồng chung sống hòa thuận nhiều năm từ khi cưới và có 03 con chung.

Đến năm 2003 bà H đi xuất lao động ở Đài Loan, đến năm 2014 bà H về nước và vẫn về chung sống cùng ông. Thời gian bà H ở nước ngoài vợ chồng ông vẫn hòa thuận, vẫn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, sau khi bà H về nước dần dần tâm tính thay đổi, hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường hay mâu thuẫn. Đến ngày 01/10/2020 ông và bà H đến Ủy ban nhân dân thị trấn N để đăng ký kết hôn, mục đích để vay vốn ngân hàng cho con. Từ sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, bà H sống nhưng không tôn trọng ông, thường có những lời lẽ xúc phạm ông nên ông có chửi bà H. Bà H dọn ra ở riêng ở nhà đất khác từ năm 2021 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng ông mâu thuẫn, các con và anh em trong gia đình có khuyên bảo, động viên vợ chồng ông đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà H vẫn kiên quyết ly hôn ông.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, bà H xin ly hôn ông đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho ông và bà Hiền.

+ *Về con chung*: Ông và bà H có 03 con chung là cháu Ong Thị H, sinh năm 1982; cháu Ong Thị B, sinh năm 1986 và cháu Ong Thế V, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, khi ly hôn ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Vợ chồng ông không nợ ai, không cho ai vay, ruộng đất nông nghiệp không có gì vướng mắc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Ong Thế T không còn yêu cầu nào khác.

- Ngày 06/4/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T xin vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được

triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị Thúy H được ly hôn với ông Ong Thế T.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ Thị Thúy H được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là bà Vũ Thị Thúy H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Ong Thế T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị Thúy H và ông Ong Thế T đều có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị Thúy H có đơn xin ly hôn với ông Ong Thế T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thúy H và ông Ong Thế T chung sống với nhau như vợ chồng năm 1982, đến ngày 01/10/2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận hạnh phúc và có ba con chung. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ những năm

2003, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, ít liên lạc, ít quan tâm đến nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, thường hay cãi nhau, bà H nghi ngời ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay, bà H và ông T đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương: Bà Ong Thị L- Tổ trưởng tổ dân phố N, thị trấn N cho biết: Bà H và ông T kết hôn với nhau từ những năm 1982, quá trình chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H hay nghi ngờ ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã nhiều lần cãi nhau, tổ dân phố đã hòa giải cho ông bà nhưng không có kết quả. Nay bà H xin ly hôn ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà H và ông T có bà con chung là Ong Thị H, sinh năm 1982; cháu Ong Thị B, sinh năm 1986 và cháu Ong Thế Vi, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Bà H và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị Thúy H được ly hôn với ông Ong Thế T.

2. *Về án phí*: Bà Vũ Thị Thúy H được miễn án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND TT N, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh